

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: **Mua vật liệu xây dựng và vật tư khác**
- Tên công trình: Di chuyển tuyến cáp quang chôn 24FO.
- Địa điểm:

- + Phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh
- + Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh

Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: **Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.**

- Yêu cầu về Cung cấp hàng hóa: Chi tiết tại Mẫu số 01A Chương IV – Biểu mẫu mời thầu và dự thầu của E – HSMT.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

1.2.1. Yêu cầu chung:

Toàn bộ hàng hóa là hàng mới 100%, sản xuất năm 2025, 2026.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu phải cung cấp bảng tóm tắt thông số kỹ thuật để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn cũng như yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu lưu ý cần phải lập bảng tóm tắt liệt kê và đánh số các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của các hàng hóa dự thầu theo đúng chỉ mục, thứ tự như bảng tiêu chuẩn bên dưới. Bất kỳ thông số nào nhà thầu không kê khai hoặc kê khai thiếu sót sẽ được xem là hàng hóa không đáp ứng thông số đó. Nếu thông số nào hàng hóa không có thì nhà thầu ghi là “không có”.

- Tên hàng hóa cần ghi rõ cả model, ký mã hiệu và hãng sản xuất mà nhà thầu chào thầu.

Bảng yêu cầu kỹ thuật đối với các hàng hóa như sau:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Asitol	Cồn ethanol (ethanol từ 70% trở lên).
2	Băng báo hiệu cáp quang	Chất liệu: Kích thước: Chiều rộng 20 cm, cuộn 500m; Màu sắc: Chữ đen, nền màu vàng cam; Hình dạng: Cuộn; Chữ in trên băng: Chú ý! Phía dưới có cáp quang
3	Băng cách điện	Chất liệu: PVC, Special PVC film; Chiều rộng: 18mm; Chiều dài: 20y (yards) = 18.288m; Độ dày: 0.18mm; Chịu lực: $\geq 32\text{N/cm}$; Độ giãn: 150% ~ 220%; Điện áp tối đa: 600V;
4	Gạch đặc (KT: 220x105x60) mm	TCVN 6477:2016
5	Gỗ chống nhóm V	Gỗ tự nhiên nhóm V sản xuất 2024-2025 mới 100%; không cong, vênh, nứt, biến dạng, ẩm mốc.
6	Gỗ đà nẹp nhóm V	Gỗ tự nhiên nhóm V sản xuất 2024-2025 mới 100%; không cong, vênh, nứt, biến dạng, ẩm mốc.
7	Gỗ ván cầu công tác, ván khuôn nhóm V	Gỗ tự nhiên nhóm V sản xuất 2024-2025 mới 100%; không cong, vênh, nứt, biến dạng, ẩm mốc.
8	Giấy lau mịn	Quy cách: 200 tờ/hộp. Giấy mềm, khả năng thấm hút cao
9	Giẻ lau	Giẻ lau A4; Chất liệu: vải cotton; Tính chất: Mịn, thấm hút tốt
10	Keo dán	TCVN 8699:2011
11	Mỡ bôi trơn	Mỡ bôi trơn tiêu chuẩn nhà sản xuất
12	Ống nhựa D110	Ống nhựa vàng PVC/uPVC D110 nong một đầu chuyên dụng luôn có vạch thông thường tuân theo tiêu chuẩn TCVN 8699:2011. + Đường kính ngoài: 110mm + Độ dày thành ống: 6mm + Chiều dài: 6m (cả chiều dài nong).
13	Xi măng PC40	Xi măng PC40 chủ yếu bao gồm hai thành phần chính: Clinker, Thạch cao. Chất lượng của xi măng PC40 được xác định theo Tiêu chuẩn TCVN 2682:2009.
14	Xi măng PCB30	TCVN 6260-2020
15	Biển cáp	Nhựa PVC kích thước 5x7cm, nền đỏ chữ vàng
16	Cát đen	Tiêu chuẩn: TCVN 2005:7570
17	Cát vàng	Tiêu chuẩn: TCVN 2005:7570
18	Dây thép F1	Dây thép mạ kẽm. TCVN 1651-1:2018
19	Đá 1x2	Khối lượng riêng: 2.715 g/m ³ ; Độ hút nước: 0.84 %; - Lượng bụi, bùn sét: 0,71 %; - Khối lượng thể tích khô: 2.665 g/cm ³ ; - Khối lượng thể tích xốp: 1.412 kg/m ³ ; - Độ mài mòn L.A 22.09 %; - Lượng hạt thoi dẹt: 11.15%
20	Đinh các loại	Loại đinh (3,5,7)mm; TCVN 197:2002

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
21	Que hàn điện	TCVN 3223:2000
22	Sơn chống rỉ	Màu sắc: Đỏ đậm; Độ dày khô: 35 - 50μm; Thời gian khô ở 25oC: 06 giờ; Diện tích sơn: 8-10m2
23	Thép dẹt 300x80x8mm	Tiêu chuẩn: JSG3101(1987)
24	Thép F6	Tiêu chuẩn : TCVN 1651-2018 Mác thép CB240T
25	Thép F8	Tiêu chuẩn : TCVN 1651-2018 Mác thép CB240T
26	Thép F4	Thép mạ kẽm. TCVN 1651-1:2018
27	Thép L70x70x8mm	TCVN 1656-93 Mác thép CT38
28	Thép L75x75x8mm	TCVN 1656-93 Mác thép CT38

*** Ghi chú:**

- Hàng hóa chào thầu phải nêu rõ ký mã hiệu (nếu có), nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ.
- Nhãn hiệu, mã hiệu hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa. Nhà thầu được phép chào hàng "tương đương" (có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng tương tự hoặc tốt hơn).

1.3. Các yêu cầu khác

a. Bảo hành

- Thời gian bảo hành: Hàng hóa được bảo hành 12 tháng, tính từ lúc nghiệm thu hàng hóa, ngoài ra nhà thầu phải bảo hành hàng hóa theo đúng quy định của nhà sản xuất.
- Phương thức bảo hành: Cam kết khắc phục hư hỏng trong vòng 02 ngày sau khi nhận được thông báo sự cố (*qua điện thoại hoặc email*) của chủ đầu tư trong suốt thời gian bảo hành.
- Cung cấp thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng tương đương 5% giá trị hàng hóa được bảo hành. Hàng hóa bảo hành được Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất trong quá trình ký kết hợp đồng.
- Cam kết:
 - Hàng hóa là hàng mới 100%, sản xuất từ năm 2025, 2026, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT
- Thử nghiệm: Theo quy định.